

hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta nhằm bảo đảm an toàn cho giao thông vận tải đối với con người, đối với hàng hóa, đối với phương tiện, vận tải. Các cơ quan có trách nhiệm đăng ký và kiểm tra phải hết sức coi trọng.

Nhưng hiện nay, trong tình hình cả nước có chiến tranh, yêu cầu nhân lực cho vận tải phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống của nhân dân ngày càng lớn, mà số thuyền viên thì có hạn. Việc vận dụng điều 15 nói trên cần phải được linh hoạt để vừa bảo đảm được nguyên tắc an toàn, vừa thích ứng được với tình hình mới.

Xuất phát từ tình hình trên, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc vận dụng điều 15 nghị định số 47-NĐ ban hành ngày 12-6-1958<sup>(1)</sup> như sau :

Cơ quan đăng ký các cấp, khi cấp giấy phép lưu hành cho phương tiện vận tải thô sơ, cần đảm bảo nguyên tắc an toàn như điều 15 nghị định số 47-NĐ<sup>(1)</sup> đã quy định.

Trường hợp cơ sở vận tải thiếu nhân lực phải bố trí thuyền viên không đủ như số thuyền viên đã quy định trong giấy phép lưu hành thì phải được cơ quan đăng ký cho phép.

Trên đường đi nếu có thuyền viên bị ốm, bị thương, bị tai nạn phải nằm lại điều trị hoặc bị chết, số thuyền viên không đủ như đã quy định thì cần xét thỏa đáng cho từng trường hợp không nên coi mọi trường hợp thiểu thuyền viên đều là vi phạm pháp luật.

Trường hợp cần thuyền viên, nhưng không có đủ người 18 tuổi, nếu cơ quan đăng ký xét thấy thè lực, sức khỏe và nghiệp vụ có đủ để bảo đảm an toàn vận tải thì vẫn có thể cho đăng ký, nhưng không được đăng ký những người dưới 16 tuổi.

Bộ yêu cầu các cơ quan đăng ký cấp giấy phép lưu hành và các cơ quan có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành phải nghiên cứu quan

triết thông tư này để thi hành cho đúng đắn, tránh gây trở ngại cho công tác vận tải phục vụ chiến đấu, sản xuất và đời sống của nhân dân.

*Hà-nội, ngày 19 tháng 5 năm 1967  
K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải  
Thí trưởng*

DƯƠNG BẠCH LIÊN

BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 2-TC/TT ngày 17-2-1967  
về thuế lợi tức đối với hợp tác xã  
thủ công nghiệp.**

Theo chủ trương chuyền hướng xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, sản xuất thủ công nghiệp đang được đẩy mạnh nhằm góp phần phát huy khả năng kinh tế của từng địa phương, tự cung, tự cấp với mức cao nhất các nhu cầu về sản xuất, chiến đấu và đời sống nhân dân của từng tinh, từng vùng.

Được sự lãnh đạo sát của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, nhờ sự giúp đỡ của các ngành có liên quan, và dựa vào sự nỗ lực của xã viên hợp tác xã thủ công nghiệp, sản xuất thủ công nghiệp cuối năm 1966 phát triển khá hơn đầu năm và tăng hơn so với cùng thời kỳ năm 1965. Tuy nhiên do ảnh hưởng của chiến tranh phá hoại của địch, các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, các hợp tác xã vận tải thuyền cũng đang gặp một số khó khăn nhất định về nguyên liệu, về chất dót, về nhân lực và về vận chuyển; nhiều hợp tác xã phải di chuyển, sơ tán phòng không, phải xây dựng cơ sở mới, phải giúp đỡ xã viên tổ chức đời sống ở nơi sơ tán... nên quỹ tích lũy cũng như quỹ công ích của hợp tác xã gần đây có bị giảm sút:

Căn cứ Điều lệ thuế công thương nghiệp mới, ban hành đầu năm 1966, Bộ Tài chính đã có thông tư số 74-TC/TQD ngày 5-5-1966 hướng dẫn việc thi hành thuế lợi tức doanh nghiệp, nhằm góp phần khuyến khích thủ công nghiệp phát triển đúng hướng (đúng ngành nghề và

(1) Theo công văn số 1605-VP/PC ngày 29-6-1967, Bộ Giao thông vận tải đã đính chính: «Điều 15 của bản điều lệ ban hành theo nghị định số 47-NĐ ngày 12-6-1958...»

vùng kinh tế), thúc đẩy việc trang bị và cải tiến kỹ thuật, giúp đỡ hợp tác xã tăng cường quản lý lao động, vật tư, tài vụ, góp phần từng bước củng cố hợp tác xã, trên cơ sở đó động viên đóng góp công bằng hợp lý giữa các hợp tác xã ngành nghề khác nhau, thu nhập khác nhau.

Qua theo dõi việc thực hiện thông tư nói trên, Bộ nhận thấy cần bổ sung và nói rõ thêm một số điểm cho phù hợp với những biến chuyển mới trong tình hình sản xuất thủ công nghiệp và nhằm đơn giản việc thanh toán thuế lợi tức cả năm 1966 đối với các hợp tác xã sản xuất tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp, vận tải và kiến trúc.

### I. Tính toán hao phí vật chất của hợp tác xã.

Để bảo đảm vốn cho hợp tác xã tái sản xuất, cần tính cho đúng mức các hao phí vật chất để trừ cho hợp tác xã khi tính số lợi tức phải chịu thuế.

Cơ quan thu khi tính thuế lợi tức, cần căn cứ vào các định mức do cơ quan, xí nghiệp Nhà nước đã xác định mà tiến hành kiểm tra sự kê khai của hợp tác xã về số lượng và giá cả nguyên vật liệu hao phí, rồi tính hao phí nguyên vật liệu được trừ.

Trường hợp hao phí thực tế thấp hơn định mức thì trừ theo hao phí thực tế và báo ngay cho cơ quan đặt hàng để điều chỉnh lại định mức cho sát.

Trường hợp hao phí thực tế cao hơn định mức thì phân biệt giải quyết như sau: nếu xét thấy định mức đã sát đúng rồi, nhưng do hợp tác xã quản lý không tốt nên hao phí nguyên vật liệu, chất đốt vượt quá định mức, thì trừ theo như định mức; nếu xét thấy định mức không còn sát nữa do đã có sự thay đổi về loại hay về chất lượng nguyên vật liệu, chất đốt, thì cơ quan thu cần phối hợp với cơ quan đặt hàng và cơ quan cung cấp nguyên vật liệu, chất đốt, để xác định lại định mức cho sát, làm cơ sở tính lại số hao phí được trừ khi tính lợi tức chịu thuế. Gặp trường hợp cơ quan cung cấp nguyên vật liệu, chất đốt chưa xác định lại kịp, thì cơ quan thu phải kiểm tra kỹ số hao phí thực tế trong các

kỳ sản xuất vừa qua để xác định chi phí về tiêu hao vật chất của hợp tác xã làm cơ sở cho việc tính lợi tức chịu thuế, trong trường hợp này, cần nói rõ với hợp tác xã là việc cơ quan thu xác định chi phí về tiêu hao vật chất như vậy chỉ là đề áp dụng cá biệt trong đợt tính thuế lợi tức lần đó thôi, chứ không ràng buộc cơ quan gia công đặt hàng (việc định mức tiêu hao vật chất thuộc trách nhiệm của cơ quan gia công đặt hàng và cơ quan này phải quy định những định mức trung bình tiền tiến áp dụng chung cho nhiều hợp tác xã).

Về giá cả nguyên vật liệu mua ngoài và giá cước vận tải thì cần chú ý những điểm sau đây

Nguyên tắc là nhất thiết không để cho hợp tác xã mua ở thị trường tự do những vật tư Nhà nước thống nhất quản lý và những vật tư lấy cắp ở kho của Nhà nước (gặp trường hợp này, phải phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm mà tìm cho ra nguồn bán để có biện pháp xử lý thích đáng); nhất thiết không để cho hợp tác xã tùy tiện mua nguyên liệu hoặc trả cước theo bất kỳ giá nào. Vấn đề căn bản đây là cơ quan và cán bộ thu phải giáo dục, giúp đỡ hợp tác xã nghiêm chỉnh tôn trọng các chế độ và quy định của Nhà nước về quản lý vật tư và giá cả nguyên liệu, vật liệu cũng như giá cước vận tải. Đối với những trường hợp mua hay thuê mướn cao hơn giá quy định của Nhà nước mà xét ra là vì hợp tác xã lúng túng trước khó khăn nên đã làm sai như vậy, thì cơ quan thu xét chiếu cố và cho hợp tác xã được tính toán theo thực tế đã chỉ; đồng thời cần nhắc nhở hợp tác xã sau này phải nghiêm chỉnh tôn trọng các quy định của Nhà nước. Trong việc này, cán bộ thu phải đi đúng đường lối quản chúng, dựa vào những xà viễn giác ngộ nhất để động viên toàn thể hợp tác xã cũng như ban quản trị nêu cao ý thức chấp hành luật lệ của Nhà nước, bảo vệ tài sản Nhà nước, đồng thời phát huy sáng kiến, khắc phục khó khăn, làm ăn tiết kiệm. Ngoài ra, cần lưu ý các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước quan tâm giúp đỡ hợp tác xã hơn nữa về nguyên vật liệu, chất đốt... tránh cho họ khỏi phải xoay xở ở thị trường tự do.

## 2. Về mức miễn thu.

Điều lệ thuế quy định mỗi xã viên có thực tế tham gia sản xuất trong kỳ kinh doanh đều được trừ một suất miễn thu do điều 14 Điều lệ thuế quy định cho mỗi khu vực (Hà-nội, Hải-phòng, các thị xã, miền núi, các nơi khác), căn cứ vào tính chất lao động khác nhau của các ngành nghề.

Sau khi đã xác định hợp tác xã thuộc ngành nghề nào trong biều chung của Điều lệ và biều chi tiết do Bộ Tài chính hướng dẫn, thì toàn bộ xã viên của hợp tác xã (chính thức hay dự bị) đều được trừ một mức miễn thu như nhau (không phân tích từng giai đoạn của dây chuyền sản xuất và áp dụng những mức miễn thu khác nhau). Đối với hợp tác xã làm nhiều nghề (phân biệt theo danh mục ở điều 14), ví dụ vừa sản xuất cơ khí, vừa sản xuất văn phòng phẩm... thì phân tách riêng từng phân xưởng hay tờ sản xuất mà áp dụng mức miễn thu đã quy định cho mỗi nghề, cho số xã viên tham gia sản xuất trong từng phân xưởng hay tờ sản xuất.

### Về cách tính số suất miễn thu.

Để đơn giản việc tính toán và dễ theo sát quy định của điều 14 Điều lệ thuế, số suất miễn thu hợp tác xã được trừ là số xã viên thực tế có tham gia sản xuất trong kỳ kinh doanh, không lấy tổng số ngày công chia cho 25 ngày như đã hướng dẫn trong thông tư số 74-TC/TQD.

Trong việc tính trừ suất miễn thu, cần giải thích cho hợp tác xã thông suốt yêu cầu quản lý lao động tốt để phát triển sản xuất, hiểu rõ ý nghĩa của chính sách miễn thu là góp phần quản lý tốt lao động, và trên cơ sở đó, tính trừ cả suất miễn thu cho số xã viên làm từ 15 ngày trở lên và tính trừ 1/2 suất miễn thu cho số xã viên làm dưới 15 ngày.

Số ngày xã viên làm nhiệm vụ trực chiến phòng không, xây hầm hố, di chuyển hoặc xây dựng cơ sở sơ tán đều được coi như ngày tham gia sản xuất. Trường hợp do phải di chuyển, sơ tán, do báo động, do mất điện, do không được cung cấp đủ nguyên vật liệu, nên bắt buộc phải có một số xã viên nghỉ việc trong một số ngày, thì cũng vẫn được kè những ngày đó khi tính toán số suất miễn thu được trừ. Trường hợp hợp

tác xã có cơ sở sản xuất tương đối ổn định; nhưng vì không quản lý tốt lao động, nên xã viên ngày làm, ngày nghỉ, thì cần bàn bạc với ban quản trị hợp tác xã đề loại trừ không tính suất miễn thu cho những xã viên chỉ có danh nghĩa, chỉ làm việc từ 3 ngày trở xuống.

Thuê nhân công trong phạm vi 10% số xã viên thì được tính trừ tiền công phải trả cho số công thuê ngoài.

Trường hợp hợp tác xã sản xuất để phục vụ quốc phòng, giao thông hay xuất khẩu, nếu vì nhu cầu dột xuất nhất thời mà phải thuê quá mức 10% để bảo đảm sản xuất kịp thời gian, thì tính trừ tiền công cho toàn bộ nhân công thuê ngoài như đã hướng dẫn trong thông tư số 74-TC/TQD.

## 3. Về lợi tức chịu thuế bình quân xã viên.

Để tính thuế, cần chia bình quân số lợi tức của hợp tác xã để tìm ra lợi tức bình quân một xã viên (điều 16): lấy lợi tức chịu thuế của hợp tác xã, chia cho tổng số xã viên thực sự có tham gia sản xuất (cụ thể là chia cho số suất miễn thu đã trừ cho xã viên, cả xã viên chính thức và dự bị), không được kè số thợ học việc, số người trong gia đình xã viên làm thêm...

Đối với hợp tác xã có lợi tức vượt mức (nói ở điều 16 Điều lệ thuế) thì cuối mỗi năm các Chi cục thu, Sở, Ty tài chính cần nghiên cứu tính chất kinh doanh của hợp tác xã và căn cứ Điều lệ thuế và thông tư số 74-TC/TQD, quán triệt yêu cầu khuyến khích cải tiến kỹ thuật và cải tiến quản lý đồng thời điều tiết đúng mức những khoản thu nhập không hợp lý mà đề nghị Ủy ban hành chính thành phố, tỉnh xét quyết định mức thu đối với phần lợi tức vượt mức của từng hợp tác xã, cũng như quyết định những trường hợp không thu thêm vào lợi tức vượt mức.

## 4. Về miễn giảm thuế lợi tức.

Nhằm khuyến khích hợp tác xã tăng cường trang bị kỹ thuật, tận dụng phế liệu, phế phẩm để làm ra hàng hóa và dễ chiết cổ các khó khăn của hợp tác xã trong thời chiến, Điều lệ thuế có quy định nhiều trường hợp giảm thuế, miễn thuế lợi tức.

Việc trích giảm thuế cho các hợp tác xã có mua sắm máy móc, công cụ và xây dựng nhà xưởng để sản xuất (điều 17 Điều lệ thuế), cần được tiến hành ngay sau khi hợp tác xã có mua sắm máy móc, công cụ hoặc khởi công xây nhà xưởng sản xuất, không đợi hợp tác xã đưa vào sản xuất rồi mới trích giảm. Tiền thuế được giảm, hợp tác xã phải bỏ vào quỹ tích lũy để tăng cường quỹ tích lũy của hợp tác xã, không được đem chia cho xã viên thành thu nhập cá nhân.

Đối với hợp tác xã di chuyển cơ sở hoặc sơ tán phòng không, nếu sản xuất gặp khó khăn, thu nhập bị giảm sút, thì cần quan tâm xem xét tình hình khó khăn; nếu tiền công xã viên và nhất là quỹ tích lũy của hợp tác xã bị giảm sút so với trước khi di chuyển (do phải xây dựng cơ sở mới, phải di chuyển nhiều lần nên tốn phí tiền vận tải...) thì cần giảm thuế cho họ, không đợi thu nhập của hợp tác xã phải giảm sút ít nhất 25% mới xét giảm như trước đây đã hướng dẫn trong thông tư số 74-TC/TQD. Tỷ lệ giảm thuế theo như quy định ở điều 19 Điều lệ thuế.

Đối với những cơ sở sản xuất thủ công nghiệp bị thiệt hại do địch đánh phá, cơ quan thu các cấp cần quan tâm chiết cố, cần thống kê lại các trường hợp bị thiệt hại trong năm 1966 và đề nghị Ủy ban hành chính cấp huyện xét giảm, miễn thuế lợi tức doanh nghiệp đúng chính sách.

Việc miễn thuế lợi tức cho hợp tác xã tận dụng phế liệu, phế phẩm hoặc nguyên vật liệu thay thế để làm ra hàng hóa sẽ do một thông tư quy định riêng.

#### **5. Thanh toán thuế lợi tức năm 1966.**

Theo điều 16 Điều lệ thuế thì căn cứ để tính thuế lợi tức doanh nghiệp là số lợi tức cả năm của hợp tác xã.

Đến nay đã hết năm 1966, cho nên cần tiến hành thanh toán thuế lợi tức năm 1966. Các Chi cục thu, Sở, Ty tài chính cần chỉ đạo chặt chẽ công việc này qua các bước tuyên truyền, giải thích chủ trương chính sách, tiến hành kê khai lợi tức cả năm của hợp tác xã, xét trừ hao phí vật chất và suất miễn thu, tính thuế theo thuế biều và thực hiện giảm miễn thuế, thu nộp thuế. Cần chỉ đạo riêng một, hai phòng tài chính để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

Riêng đối với các hợp tác xã trong năm 1966 bị thiệt hại do địch bắn phá, các hợp tác xã di chuyển sơ tán, các hợp tác xã dùng phế liệu, phế phẩm hoặc nguyên vật liệu thay thế để làm ra hàng hóa, các hợp tác xã mà theo tính toán của các phòng tài chính, năm 1966 phải chịu thuế suất 22% (ở Hà-nội và Hải-phòng) hay thuế suất 18% trở lên (ở các tỉnh), thì các Chi cục thu, các Sở, Ty tài chính phải kiềm tra lại việc tính trừ hao phí vật chất và suất miễn thu, việc tính thuế theo thuế biều và việc thi hành miễn giảm, để đảm bảo việc làm của cấp dưới theo đúng với điều lệ, chính sách, rồi mới cho tiến hành việc thu nộp.

Đối với các hợp tác xã mà thuế lợi tức năm 1966 tăng đột ngột so với năm 1965 thì cơ quan thu cần đề nghị với Ủy ban hành chính địa phương xét *cho nộp làm nhiều kỳ*; nếu cần thiết lắm thì *có thể giảm thuế một phần*, để tránh ảnh hưởng nhiều đến thu nhập của hợp tác xã, tạo điều kiện cho hợp tác xã ổn định sản xuất, kinh doanh, như đã hướng dẫn trong thông tư số 74-TC/TQD.

#### **6. Tạm thu thuế hàng tháng.**

Để việc thu thuế lợi tức theo thật sát tình hình chi phí và thu nhập hàng tháng của các ngành nghề và các hợp tác xã, do đó góp phần giúp đỡ thúc đẩy hợp tác xã quản lý tốt sản xuất và tài vụ, kịp thời ngăn ngừa lăng phí, tham ô, cần tiến hành việc tạm thu thuế lợi tức hàng tháng trên cơ sở lợi tức chịu thuế ước tính của hợp tác xã, không tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu, cứ 3 hoặc 6 tháng một lần, cần căn cứ vào quyết toán kinh doanh của hợp tác xã mà thanh toán thuế lợi tức và cuối năm thì căn cứ vào lợi tức cả năm của hợp tác xã, sau khi kiềm tra lại chi phí, suất miễn thu, v.v. mà tính lại thuế để thanh toán.

#### **7. Đối với hợp tác xã nông nghiệp kiêm nhiều nghề.**

Cần chú ý miễn thuế doanh nghiệp và thuế lợi tức doanh nghiệp cho phần sản phẩm dùng trong nội bộ hợp tác xã, phần dùng để xây dựng các công trình sản xuất và phúc lợi trong xã và

phần bán cho xã viên trong hợp tác xã dùng vào sản xuất. Cần chú ý trừ suất miễn thu cho số xã viên và những người trong gia đình họ chuyên sản xuất thủ công nghiệp cũng như cho số xã viên làm nông nghiệp nhưng luân phiên sản xuất thủ công nghiệp. Đối với những trường hợp sản xuất thủ công nghiệp chỉ có tính cách là nghề phụ, hoặc là hoạt động tùng thời vụ, quy mô nhỏ, thu nhập ít thì chưa thu thuế lợi tức doanh nghiệp. Thuế lợi tức doanh nghiệp thu vào hợp tác xã nông nghiệp kiêm thủ công nghiệp theo thuế suất thấp nhất, tức là 8% và thu dứt khoát tùng tháng, cuối năm không phải thanh toán lại.

### **8. Sản xuất thủ công nghiệp trong từng vùng kinh tế.**

Sản xuất thủ công nghiệp trong từng vùng kinh tế: thành thị, nông thôn, miền núi, đồng bằng có đặc điểm khác nhau. Do đó, Ủy ban hành chính các cấp cần lãnh đạo chặt chẽ việc thi hành chính sách thuế công thương nghiệp, nhất là thuế lợi tức doanh nghiệp đối với các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp. Trong điều lệ thuế cũng như trong các thông tư hướng dẫn của Bộ chỉ nên những điểm chung, căn cứ theo đó Ủy ban hành chính các cấp thành phố, tỉnh, trong những trường hợp cần thiết, cần vận dụng chính sách và những điều quy định chung mà có những quyết định cụ thể, thích hợp với tình hình của địa phương mình.

Các Chi cục thuế, Sở, Ty tài chính cần nghiên cứu kỹ tình hình thủ công nghiệp ở địa phương, bàn bạc với cơ quan quản lý thủ công nghiệp cùng xét kỹ các trường hợp cụ thể và căn cứ vào Điều lệ thuế và các thông tư của Bộ Tài chính mà đề xuất ý kiến với cấp ủy và chính quyền địa phương để giải quyết cho thích đáng, đồng thời báo cáo về Bộ để theo dõi và rút kinh nghiệm chung.

Năm 1966 là năm đầu thi hành Điều lệ thuế công thương nghiệp mới, tình hình kinh tế năm 1966 lại có nhiều biến chuyển do hoàn cảnh chiến tranh. Để bảo đảm thực hiện đúng chính sách, cần phải nắm vững quan điểm và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đối với sản xuất thủ công nghiệp, thực hiện đầy đủ các

điều quy định trong Điều lệ thuế, phát huy tác dụng của chính sách để góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất và củng cố hợp tác xã. Trong việc chỉ đạo của cơ quan thu cũng như trong việc chấp hành của cán bộ thu, có quan triệt sâu sắc quan điểm chính sách và yêu cầu nhiệm vụ, thì mới tránh được lỗi làm việc tùy tiện, buông lỏng. Thông tư này hướng dẫn việc thanh toán thuế lợi tức năm 1966, đồng thời cũng giải thích thêm về tinh thần và yêu cầu quản lý của cán bộ thu đối với hợp tác xã thủ công nghiệp từ nay về sau. Theo yêu cầu đó, không phải đến lúc phải thu thuế lợi tức, cán bộ mới đi sâu tìm tài liệu để tính toán, mà phải thường xuyên quản lý hợp tác xã. Trong công tác quản lý thường xuyên hợp tác xã, điều căn bản nhất là cán bộ thu phải có nhiệt tình rất cao đối với hợp tác xã do mình phụ trách quản lý, phải sát với hợp tác xã, ra sức chăm nom cho hợp tác xã sản xuất tốt và tiết kiệm, động viên và giúp đỡ cho các xã viên và các ủy viên quản trị, trước tiên là các người giác ngộ nhất, biết chăm lo tăng cường và củng cố hợp tác xã, tự giác đấu tranh ngăn ngừa những hành động vi phạm luật lệ của Nhà nước, có hại cho lợi ích lâu dài của hợp tác xã.

*Hà-nội, ngày 17 tháng 2 năm 1967*

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

*Thứ trưởng*

**TRỊNH VĂN BÌNH**

### **TỔNG CỤC LUƠNG THỰC**

**QUYẾT ĐỊNH số 61-LT/QĐ ngày  
5-5-1967 ban hành ba tiêu chuẩn  
ngành của bột.**

### **TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC LUƠNG THỰC**

*Căn cứ nghị định số 123-CP ngày 24-8-1963  
của Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ  
tạm thời về việc nghiên cứu, xây dựng, xét  
duyệt, ban hành và quản lý các tiêu chuẩn  
kỹ thuật của sản phẩm công nghiệp, nông  
nghiệp;*